

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
☯ ☼ ☲



GIÁO TRÌNH
LUẬT KINH DOANH

NGUYỄN VĂN THU

2001

MỤC LỤC

MỤC LỤC - 1 -

LỜI NÓI ĐẦU - 4 -

CHƯƠNG I. CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP TRONG LUẬT

DOANH NGHIỆP 1999 - 6 -

 I - DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN (DNTN) - 6 -

 II - CÔNG TY HỢP DANH (Cty HD)..... - 8 -

 III - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (TNHH) có 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN - 10 -

 A.- QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN..... - 11 -

 B- CƠ CẤU TỔ CHỨC - 12 -

 IV - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN..... - 15 -

 V - CÔNG TY CỔ PHẦN..... - 16 -

 A.- ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN - 16 -

 B. - CƠ CẤU QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH. - 19 -

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 1999 - 23 -

 I - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP - 23 -

 A. QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP - 23 -

 B. NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP: - 25 -

 II - VỐN CỦA DOANH NGHIỆP..... - 26 -

 A.- QUYỀN GÓP VỐN, THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP..... - 26 -

 B.- ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN VÀ CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP..... - 28 -

 III - TÊN DOANH NGHIỆP - TRỤ SỞ - CON DẤU..... - 29 -

 IV - ĐĂNG KÝ KINH DOANH -- CÔNG BỐ..... - 30 -

 A) ĐĂNG KÝ KINH DOANH. - 30 -

 B) CÔNG BỐ..... - 32 -

CHƯƠNG III. DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC..... - 34 -

 I - NHẬN THỨC CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC (DNNN) - 34 -

 A. DNNN LÀ MỘT TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VỐN VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ..... - 34 -

 B. DNNN LÀ MỘT TỔ CHỨC KINH TẾ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH hoặc HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH - 36 -

 C. DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CÓ TÊN GỌI – CON DẤU RIÊNG, CÓ TRỤ SỞ TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM - 37 -

 II - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DNNN - 37 -

 A. QUYỀN CỦA DNNN - 37 -

B. NGHĨA VỤ CỦA DNNN.....	- 38 -
III - TỔ CHỨC QUẢN LÝ DNNN.....	- 39 -
A. DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CÓ HĐQT.....	- 39 -
B. DNNN KHÔNG CÓ HĐQT.....	- 42 -
IV- THÀNH LẬP – GIẢI THỂ – PHÁ SẢN DNNN	- 42 -
B. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN DNNN:.....	- 44 -
V - TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC	- 44 -
A.- KHÁI NIỆM.....	- 44 -
B. MỘT SỐ TỔNG CÔNG TY.....	- 46 -
CHƯƠNG IV. DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI	- 48 -
I - VIỆC ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI HỢP PHÁP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	- 48 -
II - CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐTNN.....	- 51 -
A. DOANH NGHIỆP LIÊN DOANH (DNLD)	- 51 -
B. DOANH NGHIỆP CÓ 100% VỐN ĐTNN	- 53 -
C. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐTNN	- 53 -
III - VIỆC THÀNH LẬP - CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐTNN.....	- 54 -
A. THÀNH LẬP.....	- 54 -
B. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐTNN.....	- 55 -
CHƯƠNG V. LUẬT PHÁP HỢP ĐỒNG.....	- 57 -
I - HỢP ĐỒNG DÂN SỰ.....	- 57 -
A. KHÁI NIỆM.....	- 57 -
B. NGUYÊN TẮC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DÂN SỰ.....	- 57 -
C. CÁC YẾU TỐ CỦA HỢP ĐỒNG.....	- 58 -
II - HỢP ĐỒNG KINH TẾ (HĐKT).....	- 62 -
A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HĐKT	- 62 -
B. - KÝ KẾT – THỰC HIỆN HĐKT.....	- 66 -
CHƯƠNG VI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH TẾ.....	- 84 -
I - TÒA KINH TẾ.....	- 84 -
A. TỔ CHỨC TÒA KINH TẾ	- 84 -
B. THẨM QUYỀN TÒA KINH TẾ.....	- 85 -
II - THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH TẾ.....	- 86 -
A. NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN KINH TẾ	- 86 -
B. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.....	- 88 -
III - TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM	- 91 -
CHƯƠNG VII. PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP	- 94 -
I. - KHÁI NIỆM PHÁ SẢN.....	- 94 -
A- LỊCH SỬ VỀ PHÁ SẢN.....	- 94 -
B- QUAN NIỆM PHÁ SẢN HIỆN NAY	- 95 -

II - CĂN CỨ ĐỂ TÒA ÁN MỞ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT YÊU CẦU PHÁ SẢN.....	- 97 -
A. DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN	- 97 -
B. CÓ ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP.....	- 99 -
III-THỦ TỤC THỤ LÝ ĐƠN YÊU CẦU TUYÊN BỐ PHÁ SẢN	- 101 -
A.CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN THỤ LÝ ĐƠN & RA QUYẾT ĐỊNH.	- 101 -
B. HỘI NGHỊ CHỦ NỢ (HNCN)	- 105 -
C.- THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ PHÁ SẢN	- 107 -
D.- HẬU QUẢ CỦA VIỆC PHÁ SẢN	- 108 -
PHỤ LỤC I.....	- 110 -
<i>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</i>	- 110 -
<i>CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH</i>	- 110 -
<i>CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP</i>	- 112 -
PHỤ LỤC 2	- 115 -
PHỤ LỤC 3	- 118 -
PHỤ LỤC 4	- 124 -
<i>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</i>	- 124 -
<i>CHƯƠNG II.KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ</i>	- 126 -
<i>CHƯƠNG III. THỰC HIỆN, THAY ĐỔI, ĐÌNH CHỈ, THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ</i>	- 128 -
<i>CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG KINH TẾ VÀ XỬ LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ VÔ HIỆU</i>	- 130 -
<i>CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG</i>	- 134 -
PHỤ LỤC 5	- 135 -
<i>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</i>	- 135 -
<i>CHƯƠNG IV. NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG</i>	- 136 -
CHƯƠNG V. ÁN PHÍ	- 138 -
<i>CHƯƠNG VI. KHỞI KIẾN, THỤ LÝ VỤ ÁN</i>	- 139 -
TÀI LIỆU THAM KHẢO	- 140 -

LỜI NÓI ĐẦU



Hiến pháp Việt Nam 1992 nêu rõ mục đích chính sách kinh tế của Nhà nước là làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước dưới nhiều hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và giao lưu với thị trường thế giới.

Những loại hình doanh nghiệp hiện nay thuộc các hình thức sở hữu được luật pháp ghi nhận là doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, còn có doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị-xã hội, Hợp tác xã mà do quỹ thời gian có hạn nên không giới thiệu trong chương trình này.

Trong Nhà nước pháp quyền, công dân có thể làm những gì luật pháp không cấm và không trái đạo đức xã hội, việc hiểu biết pháp luật giúp doanh nhân một mặt tránh vi phạm pháp luật, mặt khác để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình khi bị xâm phạm. Vì vậy, trước khi đầu tư kinh doanh vào một lĩnh vực (hàng hóa-sản phẩm-dịch vụ), ngoài việc nghĩ đến nguồn vốn, tìm hiểu thị trường, nguồn nguyên liệu, nhân công,.. doanh nhân phải tìm hiểu xem loại hình doanh nghiệp nào phù hợp với khả năng tài chính, với quy mô sản xuất kinh doanh, với địa bàn hoạt động...

Trong quá trình kinh doanh, việc ký kết các Hợp đồng kinh tế là căn cứ pháp lý để các doanh nghiệp thực hiện quyền và nghĩa vụ đã cam kết. Khi một doanh nghiệp bị thiệt hại do bên đối ước gây ra (chẳng hạn vi phạm việc thực hiện hợp đồng) thì bên bị thiệt hại có thể đưa vụ việc ra cơ quan thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Tòa kinh tế là cơ quan có thẩm quyền xét xử các tranh chấp hợp đồng kinh tế, tranh chấp giữa Công ty với các thành viên Công ty, giữa các thành viên Công ty với nhau liên quan đến việc lập-hoạt động-giải thể Công ty khi được các bên tranh chấp yêu cầu. Tòa kinh tế cũng là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải quyết các vụ phá sản doanh nghiệp theo thủ tục đặc biệt do pháp luật quy định. Ngoài ra, Trung

tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam cũng có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ kinh tế trong các lãnh vực hợp đồng mua bán ngoại thương, hợp đồng vận tải, thanh toán và bảo hiểm quốc tế...

Môn LUẬT KINH DOANH giới thiệu những nội dung trên đây nhằm giúp sinh viên khoa Quản trị kinh doanh nắm được một số kiến thức pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh hiện nay ở trong nước. Việc trình bày không thể tránh khỏi những thiếu sót về nội dung lẫn hình thức, người viết rất mong độc giả quan tâm góp ý để tập sách được tiếp tục hoàn chỉnh hơn.

NGUYỄN VĂN THU

CHƯƠNG I. CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP 1999

1*.- Để thực hiện đường lối phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, ngày 21.12.1990 Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty. Ngoài việc công nhận sự tồn tại lâu dài của các loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, hai luật này đã thừa nhận sự bình đẳng trước pháp luật của mọi loại hình doanh nghiệp, thừa nhận quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh và thừa nhận quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh. Đây là động cơ thu hút các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh bỏ vốn đầu tư thành lập doanh nghiệp sản xuất kinh doanh góp phần phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Qua gần 9 năm thực hiện, Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty không còn phù hợp với trình độ phát triển kinh tế hiện nay, nên ngày 12 tháng 6 năm 1999 Quốc Hội đã thông qua **LUẬT DOANH NGHIỆP** nhằm cải thiện sâu rộng môi trường pháp lý cho doanh nghiệp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, tận dụng tiềm năng của khu vực ngoài quốc doanh thúc đẩy công cuộc đổi mới kinh tế và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh. Luật Doanh nghiệp gồm 10 Chương chia ra 124 điều. Luật được Chủ tịch nước công bố ngày 26.6.1999 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Luật Doanh nghiệp xác nhận tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu hóa hoặc tịch thu bằng biện pháp hành chính. Trường hợp thật cần thiết vì lý do an ninh, quốc phòng và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước quyết định trưng mua hoặc tịch thu tài sản của doanh nghiệp, thì chủ sở hữu doanh nghiệp được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường (điều 4 Luật Doanh nghiệp).

Luật Doanh nghiệp quy định 5 loại hình doanh nghiệp là: doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn có 2 thành viên đến 50 thành viên và công ty cổ phần.

I - DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN (DNTN)

2*.- Doanh nghiệp tư nhân là loại hình doanh nghiệp do một người làm chủ, tự bỏ vốn kinh doanh, tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối

với hoạt động của doanh nghiệp.

a) Về vốn của doanh nghiệp: luật doanh nghiệp quy định chủ doanh nghiệp tư nhân phải tự khai báo vốn một cách chính xác khi đăng ký kinh doanh. Mọi nguồn vốn (vốn tự có, vốn vay) đều phải ghi chép vào sổ sách kế toán và ghi vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp có quyền tăng giảm vốn miễn rằng phải ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán doanh nghiệp. Riêng việc giảm vốn thấp hơn vốn đăng ký chỉ được thực hiện sau khi khai báo với cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Về việc quản lý doanh nghiệp: Chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh và quyền tự chủ sản xuất kinh doanh. Các quyền này thể hiện dưới các hình thức như:

1- quyết định các hoạt động kinh doanh, quyết định việc sử dụng lợi nhuận...

2- chủ doanh nghiệp tư trực tiếp hay thuê người quản lý kinh doanh, với điều kiện phải khai báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm về hoạt động của doanh nghiệp.

c) chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền cho thuê doanh nghiệp với điều kiện phải báo cáo hợp đồng cho thuê có công chứng với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế vụ. Chủ doanh nghiệp vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách chủ sở hữu doanh nghiệp.

d) khi bán doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh biết 10 ngày trước khi giao doanh nghiệp cho người mua. Người mua phải đăng ký kinh doanh lại.

e) khi tạm ngưng hoạt động, chủ doanh nghiệp phải báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế ít nhất 15 ngày trước khi tạm ngưng hoạt động. Trường hợp này, chủ doanh nghiệp vẫn phải trả đủ thuế còn nợ, trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ, thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng.

3*.- Cho đến năm 2000, đã có khoảng 24.000 DNTN thành lập theo luật Doanh nghiệp tư nhân (và khoảng 10.000 công ty TNHH được thành lập theo luật Công ty ngày 21 tháng 12 năm 1990). Loại hình DNTN một mặt thích hợp với công việc kinh doanh ở quy mô nhỏ và vừa, có ưu điểm là chủ doanh nghiệp tự mình nắm quyền quản lý điều hành kinh doanh, không phải chia sẻ quyền lực với ai, hưởng mọi lợi nhuận trong kinh doanh. Khi cần có thể

linh động đưa ra những quyết định nhanh chóng, không phải họp bàn như trong những công ty. Nhưng mặt khác, loại hình DNTN cũng có những bất lợi như:

- phải tự mình gánh chịu mọi rủi ro khi kinh doanh lỗ lả;
- khả năng quản lý điều hành của một người thường bị hạn chế, nhất là khi DNTN phát triển trên quy mô lớn, việc quản lý của một người sẽ dễ dẫn đến sai lầm.
- khó huy động vốn khi muốn tăng vốn;
- sự thay đổi tình trạng pháp lý của chủ doanh nghiệp có thể quyết định sự tồn tại của DNTN. Thí dụ chủ DNTN qua đời làm cho DNTN phải bị giải thể.
- bất lợi lớn nhất của DNTN là chủ doanh nghiệp phải đem toàn bộ tài sản của mình để gánh chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ của doanh nghiệp.

II - CÔNG TY HỢP DANH (Cty HD)

4*.- Luật doanh nghiệp quy định thêm loại hình công ty hợp danh với sự hùn hạp của hai thành viên hợp danh trở lên chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn. Các thành viên công ty hợp danh phải biết rõ nhau và tin tưởng lẫn nhau.

Công ty Hợp danh có hai loại thành viên:

- thành viên hợp danh, và
- thành viên góp vốn.

Công ty hợp danh lại chia ra 2 hình thức:

- công ty hợp danh chỉ có các thành viên hợp danh
- công ty hợp danh có cả thành viên hợp danh lẫn thành viên góp vốn.

Dù loại hình thức công ty Hợp danh nào cũng phải có ít nhất hai thành viên hợp danh.

Công ty hợp danh không được quyền phát hành các loại chứng khoán.

5*.- Thành viên hợp danh .

a.- Thành viên hợp danh là cá nhân có uy tín chuyên môn và trình độ nghề nghiệp. Đối với công ty hợp danh hoạt động các ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề (như kinh doanh các dịch vụ pháp lý, khám chữa bệnh, dược phẩm, thú y, thiết kế công trình, kiểm toán, môi giới chứng khoán) thì *tất cả thành viên hợp danh đều phải có chứng chỉ hành nghề.*

b.- Thành viên hợp danh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với nghĩa vụ tài chính của công ty khi hoạt động kinh doanh. Điều này có nghĩa là các người giao dịch với công ty được quyền bảo đảm không

những trên tài sản của công ty mà cả trên sản nghiệp của thành viên hợp danh. Khi công ty không còn khả năng trả nợ, các chủ nợ có thể đòi các thành viên hợp danh phải trả toàn bộ số nợ công ty không trả nổi. Luật Thương mại Pháp quy định chủ nợ cũng có thể đòi thành viên hợp danh nào có nhiều khả năng tài chính phải trả nợ. Một thành viên đứng ra trả nợ sẽ làm cho các thành viên khác được giải nợ. Trái quyền của chủ nợ được chuyển sang thành viên hợp danh đã trả nợ. Thành viên trả nợ thay có quyền thế chân chủ nợ đứng ra truy đòi các thành viên khác phải trả phần nợ của họ trong món nợ chung.

c.- Việc quản lý công ty do các thành viên hợp danh thực hiện căn cứ trên thỏa thuận giữa các thành viên công ty được ghi trong điều lệ (kể cả trong trường hợp công ty hợp danh có cả thành viên góp vốn). Khi hoạt động, các thành viên hợp danh có quyền nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty. Nếu kinh doanh thua lỗ thì phải chịu lỗ theo nguyên tắc quy định trong Điều lệ.

d.- Khi quản lý hoặc thực hiện hoạt động kinh doanh nhân danh công ty hoặc đại diện cho công ty, thành viên hợp danh phải hành động một cách trung thực, miễn cán phục vụ lợi ích hợp pháp của công ty.

Các ngăn cấm. Do các thành viên hợp danh phải đem toàn bộ tài sản của mình ra chịu trách nhiệm về hoạt động của công ty nên luật Doanh nghiệp quy định các ngăn cấm như sau:

- Thành viên hợp danh của một công ty hợp danh này không được đồng thời là thành viên hợp danh của một công ty hợp danh khác hoặc đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân.
- Thành viên hợp danh không được tự mình hoặc nhân danh người thứ ba thực hiện hoạt động kinh doanh trong cùng ngành – nghề kinh doanh của công ty.
- Thành viên hợp danh không được nhân danh công ty ký kết hợp đồng, hoặc có các giao dịch khác nhằm thu lợi riêng cho cá nhân hoặc cho người khác.

6*.- Thành viên góp vốn.

Thành viên góp vốn là những người bỏ vốn hùn hạp trong công ty hợp danh, có quyền và nghĩa vụ hạn chế hơn thành viên hợp danh, đó là các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- chia lời theo tỷ lệ do Điều lệ quy định, chia giá trị tài sản còn lại theo quy định trong Điều lệ khi công ty giải thể;
- được chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác nếu